TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HS - ST
Ngày: 01- 3- 2019

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan
Ông Lê Cát Tưởng
***- Th□ ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.
- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Lê Hữu Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST - HS ngày 10/01/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc H - sinh năm 1981 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: đường N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị O; vợ: Phạm Thị H2 (đã ly hôn) và 01 con; Tiền án: ngày 20/12/2013 Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 11/2/2015 Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", tổng hợp với 09 tháng tù của bản án số 363 ngày 20/3/2013 thành 04 năm 09 tháng tù. Tiền sự: không; Nhân thân: ngày 25/01/2019 TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm phạt 06 năm 06 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác "có mặt".

2. Lê Tiến T - sinh năm 1983 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: đường B, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Q và bà Đỗ Thị V; Tiền án: Ngày 26/11/2014 Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự:

không; Nhân thân: ngày 25/08/2000 Tòa án tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản", ngày 13/8/2002 Tòa án thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội "cưỡng đoạt tài sản", ngày 14/6/2007 Tòa án thành phố Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 20/6/2007 Tòa án thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội "trộm cắp tài sản", ngày 24/01/2019 Tòa án thành phố Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Bị cáo tạm giam trong vụ án khác "có mặt".

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T2 - SN 1992 "vắng mặt'
Trú tại: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17h ngày 26/6/2018 Lê Tiến T điều khiển xe mô tô chở Phạm Ngọc H đi từ thành phố T xuống thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để đi chơi. Khi đi đến cửa hàng tạp hóa T ở xã H, thành phố T, T dừng lại bên đường còn H đi vào cửa hàng để mua đồ. Khi quay ra H phát hiện thấy 01 xe máy Airblade màu đỏ đen BKS 36B4 275.07 của chị Nguyễn Thị T2 đang dựng ở trước cửa hàng, chìa khóa xe vân đang cắm trong ổ khóa, H nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát xung quanh thấy không có người, chị T2 đang quay mặt vào trong để mua hàng nên H đi lại nơi chiếc xe đang dựng ngồi lên xe, nổ máy chạy về hướng thành phố T. Khi đi qua chỗ T đang đứng, H ra hiệu cho T đi theo. Chị T2 phát hiện thấy có người trộm xe của mình nên chạy ra ngoài hô hoán nhờ người đuổi theo. Lúc này T đang đứng gần đó và đi lại chỗ chị T2 hỏi "mất gì đó bé", chị T2 trả lời "mất xe" và nhờ T đuổi theo nhưng T chỉ cười và cho xe chạy theo H về hướng thành phố T.

Sau khi trộm cắp được xe của chị T2, H đi đến chợ V, thành phố T dừng lại và gọi điện cho T hỏi "em về chưa, anh đang đứng đợi ở chợ V", T trả lời "vâng". Trong lúc đợi T đến, H mở cốp xe kiểm tra bên trong thấy có nhiều giấy tờ cá nhân và đăng ký xe mô tô vừa trộm cắp. H lấy đăng ký xe bỏ vào túi quần còn các giấy tờ khác H vứt vào thùng rác gần đó. Khoảng 30 phút sau T đến gặp H, sau đó cả hai tiếp tục điều khiển xe đi thẳng về phía Tượng Đại L, trên đường đi H nói với T "xe anh vừa lấy trộm được ở đó, bây giờ tìm chỗ nào cầm cố xe", nghe H nói T bảo "để em gọi điện cho Q tìm nơi cầm cố hộ". Sau khi bàn bạc thống nhất xong cả hai điều khiển xe đến gặp Q (em trai T). Khi gắp Q thì Q có hỏi T và H về nguồn gốc xe thì H nói đây là xe của chị gái có đăng ký xe nhưng đang cần tiền nên muốn cầm cố. Đến trưa ngày 27/6/2018 H và T lại mang chiếc xe trên đến gặp Q, Q nói nếu cầm cố thì được ít tiền lắm, H nói lại nếu thế thì bán luôn cũng được. Sau đó H đưa xe

và đăng ký cho Q, Q mang chiếc xe trên bán cho anh Hoàng Anh T3 trú tại H, phường B, thành phố T được 21.500.000đ. Số tiền bán xe Q đưa lại cho T, T cầm tiền và đưa cho H 12.000.000đ, cho Q 2.000.000đ, còn lại 7.500.000đ T giữ. Toàn bộ số tiền trên H, T tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 14/8/2018 sau khi biết chiếc xe máy trên là tài sản do trộm cắp mà có anh Hoàng Anh T3 đã tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa giao nộp.

Ngày 07/8/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc xe máy Airblade màu đỏ đen BKS 36B4 275.07 trị giá 31.000.000đ. Chị T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Đối với Lê Văn Q là người T và H nhờ mang chiếc xe trộm cắp trên đi bán hộ và Hoàng Anh T3 là người mua chiếc xe máy trên nhưng anh T3 và Q đều không biết chiếc xe máy này là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Ngày 13/11/2018 bà Đỗ Thị V (là mẹ đẻ của T và Q) đã bồi thường cho anh T3 9.500.000đ, số tiền còn lại 12.000.000đ anh T3 không yêu cầu H phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Phạm Ngọc H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015; Lê Tiến T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H từ 36 đến 42 tháng tù, tổng hợp với bản án phúc thẩm số 16 ngày 25/01/2019 của Tòa án tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án là 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lê Tiến T từ 15 đến 20 tháng tù, tổng hợp với bản án sơ thẩm số 31 ngày 24/01/2019 của Tòa án thành phố Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án là 30 đến 35 tháng tù.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Vào ngày 17 và ngày 26/6/2018 Phạm Ngọc H đã trộm cắp 01 chiếc xe máy Airblade màu đỏ đen BKS 36B4 275.07 của chị Nguyễn Thị T2 trị giá 31.000.000đ. Sau khi trộm cắp H nói và bàn với Lê Tiến T tìm nơi để tiêu thụ. Số tiền bán được xe H và T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Do bị cáo H đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý, do vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Phạm Ngọc H có đủ các dấu hiệu cấu thành tội " Trộm cắp tài sản". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015. Bị cáo Lê Tiến T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015.

[3] Tính chất vụ án:

Đối với tội trộm cắp tài sản: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo H đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần đ- ợc xử lý nghiêm minh.

Đối với tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có: mặc dù bị cáo T biết rõ tài sản do bị cáo H trộm cắp nhưng do xem thường pháp luật bị cáo đã mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm trật tự công cộng, trật tự pháp luật xã hội mà còn tạo điều kiện khuyến khích người khác đi vào con đường phạm tội.

[4] Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân xấu đã được các cơ quan pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng không chịu cải sửa mà còn tiếp tục phạm tội. Bị cáo H tái phạm nguy hiểm phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 173 BLHS. Bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với nhân thân của các bị cáo và tính chất vụ án thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho vì tại các cơ quan pháp luật thành khẩn khai báo.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 16 ngày 25/01/2019 Tòa án tỉnh Thanh Hóa (đối với bị cáo H) và bản án này với bản án số 31 ngày 24/01/2019 Tòa án thành phố Thanh Hóa (đối với bị cáo T) để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 38 BLHS năm 2015 (đối với bị cáo Hòa); khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56; Điều 38 BLHS năm 2015 (đối với bị cáo T). Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Tiến T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Ngọc H 03 năm 06 tháng (ba năm sáu tháng) tù. Tổng hợp với hình phạt 06 năm 06 tháng tù của bản án số 16/2019/HSPT ngày 25/01/2019 của TAND tỉnh Thanh Hóa (theo Quyết định định thi hành án phạt tù số 66 ngày 19/2/2019 của Chánh án Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 10 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2018.

- Bị cáo Lê Tiến T 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù của bản án số 31/2019/HSST ngày 24/01/2019 của TAND thành phố Thanh Hóa (theo Quyết định định thi hành án phạt tù số 79 ngày 25/2/2019 của Chánh án Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt

chung của 02 bản án là 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên công nhận

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.